

Số: 4610 /KH-UBND

Bình Thuận, ngày 26 tháng 10 năm 2018

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2019.

Căn cứ Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2019 tại Công văn số 3405/BTTTT-THH ngày 08/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xây dựng kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2019 với các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT 2018

Căn cứ Kế hoạch số 1361/KH-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 5065/KH-UBND ngày 14/12/2017 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2018. Kết quả đạt được trong năm 2018:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Xây dựng và đưa vào hoạt động cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh đã được đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ <http://tthc.binhthuan.gov.vn>. Đây là cơ sở dữ liệu chính thức của tỉnh được cập nhật kịp thời các TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh ban hành; được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để người dân và doanh nghiệp khai thác và tra cứu.

- Thực hiện kết nối Zalo với hệ thống phần mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp xã, huyện, tỉnh và Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC bằng nhiều hình thức như: tra cứu trên website, tin nhắn SMS, quét mã QR qua Zalo,...

2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Duy trì, phát triển Cổng cung cấp dịch vụ trực tuyến tập trung của tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhthuan.gov.vn>, tất cả các TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2. Đến thời điểm hiện nay, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 265, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 185.

- Trên cơ sở rà soát, đánh giá tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh và danh mục dịch vụ công trực tuyến do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định về Danh

mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai trong các năm 2018-2019 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 28/9/2018).

3. Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử được triển khai đồng bộ, thống nhất trong tất cả các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh (trừ Thanh tra tỉnh), UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử sử dụng công nghệ mã nguồn mở và được triển khai theo mô hình tập trung (cài đặt tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh), được kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống phần mềm tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; hệ thống sử dụng chung LDAP sẵn có trên hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh để thực hiện xác thực người dùng, tránh sử dụng nhiều tài khoản cho các hệ thống khác nhau.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ

- **Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành:** Đã triển khai mở rộng đến 295 đơn vị trên toàn tỉnh, gồm: 19/19 các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 129 đơn vị trực thuộc cấp sở, 10/10 đơn vị cấp huyện, 127/127 đơn vị cấp xã, 10 đơn vị khác (Văn phòng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Cục Thống kê, Liên minh Hợp tác xã, Đài Phát thanh và Truyền hình, Bảo hiểm xã hội, Trường Chính trị tỉnh, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Nghề). Chữ ký số được tích hợp trong hệ thống phần mềm; hơn 90% số lượng văn bản ban hành đều được ký số và luân chuyển trong toàn hệ thống (không gửi văn bản giấy).

- **Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh** được khai thác sử dụng hiệu quả; tin tức và văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được cung cấp đầy đủ, kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tất cả cán bộ, công chức, viên chức từ cấp xã đến cấp tỉnh đều được cấp hộp thư điện tử công vụ và thường xuyên sử dụng, trao đổi công việc qua hệ thống thư điện tử công vụ (Số lượng tên miền được cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị: 76; Tổng số tài khoản được cấp: 13.992).

- **Phần mềm Quản lý giáo dục (VNPT-Edu)** đã được duy trì ổn định và ứng dụng, khai thác có hiệu quả ở tất cả các cấp học trên địa bàn tỉnh (Mầm non: 235 trường; Tiểu học: 278 trường; Cấp 2: 130 trường; Cấp 3: 34 trong đó có 9 trường hệ GDTX).

- **Phần mềm ứng dụng trong ngành y tế (VNPT-HIS):** Triển khai đồng bộ phần mềm VNPT-HIS cả 3 tuyến, bước đầu mang lại hiệu quả sử dụng trong toàn ngành (Tuyến xã: 115 trạm y tế xã, phường, thị trấn; Tuyến huyện: 19 bệnh viện và phòng khám đa khoa khu vực; Tuyến tỉnh: 4 bệnh viện đa khoa, 1 bệnh viện Y học cổ truyền, 3 Trung tâm y tế có khám chữa bệnh, 2 bệnh viện chuyên khoa).

- **Một số ứng dụng chuyên ngành:** Phần mềm Quản lý các đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội, phần mềm quản lý thông tin tài liệu lưu trữ, phần

mềm Báo cáo thống kê ngành Y tế, phần mềm Quản lý các dự án đầu tư ngoài ngân sách, ứng dụng GIS phục vụ quảng bá du lịch,...

5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

- Hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức được triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh vào tháng 05/2018, dữ liệu đã được cập nhật vào trong hệ thống (Số lượng đơn vị đã được triển khai, tuyến tỉnh: 174; khối các đơn vị tổng hợp: 24; Tuyến huyện: 713)

- Xây dựng hệ thống kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính dùng riêng của tỉnh Bình Thuận (Cơ sở dữ liệu về TTHC của tỉnh được đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu Quốc gia, tại địa chỉ: <http://tthc.binhthuan.gov.vn/>).

- Triển khai xây dựng dự án CSDL về bản đồ (GIS) quy hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

6. Hạ tầng kỹ thuật

- Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh cơ bản đạt yêu cầu, đảm bảo phục vụ giải quyết công việc (cấp tỉnh, cấp huyện đạt 100%; cấp xã đạt 95%).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố đầu tư, phát triển hệ thống mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) kết nối tất cả các phòng, ban trực thuộc (đạt tỷ lệ 100%).

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh: Hệ thống máy chủ và thiết bị mạng hoạt động liên tục, ổn định, đảm bảo an toàn. Đầu tư trang bị hệ thống thiết bị giám sát, phát hiện và cảnh báo sớm các dấu hiệu, nguy cơ tấn công mạng (IDS/IPS); thiết bị mở rộng Hệ thống lưu trữ (SAN); thiết bị chuyên mạch (core switch).

7. Nguồn nhân lực

- Tập trung triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức cấp xã tại 10/10 huyện, thị xã, thành phố (01 lớp/huyện).

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu theo chuẩn kỹ năng an toàn thông tin quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 5/5/2015 cho cán bộ quản trị mạng các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

8. Môi trường pháp lý

- Xây dựng và ban hành kịp thời các chương trình, kế hoạch nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT tại địa phương, như: Chủ trương xây dựng Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận; triển khai các nội dung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt; Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại;...

- Một số kế hoạch, quyết định ban hành trong năm 2018: Kế hoạch số 4281/KH-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 2018 -2022); Kế hoạch số 4005/KH-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về Triển khai Nghị định số

61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai trong các năm 2018-2019 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;...

9. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch năm 2018

- Về Hạ tầng kỹ thuật:

+ Các chỉ tiêu đạt theo mục tiêu kế hoạch đề ra: 90% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính phục vụ công việc chuyên môn. 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện có mạng LAN kết nối tất cả các phòng, ban trực thuộc; 80% UBND cấp xã có mạng (LAN) hoàn chỉnh (kết nối tất cả các ban trực thuộc), kết nối Internet băng rộng cáp quang và kết nối mạng WAN của tỉnh.

+ Đã triển khai: Đầu tư nâng cấp, bổ sung thiết bị bảo đảm Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh vận hành ổn định, an toàn 24/7.

- Về Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước:

+ Các cơ quan, đơn vị sử dụng hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và đạt mục tiêu đề ra.

+ Triển khai ứng dụng trong ngành Y tế và giáo dục đạt kết quả tốt đạt chỉ tiêu của kế hoạch đề.

- Về Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

+ Phát triển hoàn thiện các hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh; Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử được triển khai đồng bộ trong phạm vi toàn tỉnh đến cả 3 cấp (xã, huyện, tỉnh).

+ Công dịch vụ công trực tuyến kết nối với Zalo cung cấp thông tin đến người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời.

II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã được ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011;

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết Thủ tục hành chính;
- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;
- Quyết định 846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 các bộ, ngành, địa phương triển khai năm 2017;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;
- Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 31-NQ/TU ngày 18/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XII) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020;
- Kế hoạch số 1361/KH-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 5065/KH-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2018;
- Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Thuận;
- Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận, phiên bản 1.0;
- Kế hoạch số 4281/KH-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 2018 -

2022);

- Kế hoạch số 4005/KH-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về Triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai trong các năm 2018-2019 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Công văn số 3405/BTTTT-THH ngày 08/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2019.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; ứng dụng CNTT thúc đẩy và tạo chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính, trước hết tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

- Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành qua môi trường mạng của các cấp lãnh đạo; thay đổi về nhận thức, thói quen và phương thức làm việc, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp theo hướng hiện đại.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, đảm bảo khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia; đáp ứng hạ tầng triển khai xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; tăng cường khả năng phòng, chống các nguy cơ tấn công, xâm nhập hệ thống CNTT và ngăn chặn, khắc phục kịp thời các sự cố an toàn thông tin mạng.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cấp huyện đều được trang bị máy tính phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (trang bị mỗi người một máy tính).

- 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cập nhật, quản lý, khai thác trong hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- 95% văn bản ban hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được ký số và gửi liên thông trong hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh được cập nhật, quản lý trong hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.

- Tỷ lệ số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến đạt trên 50%.

- 40% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 30% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 4.

- 100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có ít nhất 01 chuyên viên quản trị mạng chuyên ngành CNTT có trình độ từ cao đẳng trở lên.

- Hoàn thiện và sử dụng hiệu quả nền tảng kết nối, chia sẻ dùng chung của tỉnh (LGSP).

IV. NỘI DUNG

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP).

- Hoàn thiện kết nối, liên thông Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành theo mô hình 4 cấp (từ Trung ương đến cấp xã) bảo đảm thông suốt các cấp để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; tích hợp ứng dụng chữ ký số chuyên dùng (theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước).

- Đầu tư hệ thống phần mềm phục vụ bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp hoàn thiện Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống phần mềm một cửa điện tử đảm bảo theo tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật, yêu cầu kết nối, tích hợp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ (theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC).

- Triển khai mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- Mở rộng các tính năng cung cấp thông tin đến người dân và doanh nghiệp về kết quả, tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thông qua hình

thức kết nối Zalo với hệ thống phần mềm một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

3. Xây dựng, hoàn thiện CSDL chuyên ngành

- Xây dựng CSDL tin học hóa thủ tục hành chính tỉnh Bình Thuận kết nối với CSDL quốc gia về TTHC tích hợp, sử dụng đồng bộ trong Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quy hoạch và cung cấp thông tin hỗ trợ đầu tư.

- Hoàn thiện CSDL về cán bộ, công chức, viên chức.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá và củng cố đội ngũ chuyên viên Quản trị mạng các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu triển khai Chính quyền điện tử. Mỗi cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện phải bố trí một chuyên viên quản trị mạng với trình độ chuyên môn phù hợp, chú trọng đội ngũ cán bộ tin học cấp xã.

- Tập trung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác và sử dụng CNTT cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã.

- Tiếp tục bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về quản trị hệ thống, an toàn thông tin chuyên viên Quản trị mạng các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin cho kỹ sư quản lý, vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, Đội ứng cứu sự cố máy tính của tỉnh.

- Đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh cho đối tượng lãnh đạo các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức các cấp; đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan; xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo CNTT các cấp.

5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Triển khai dự án “Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh” đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Đầu tư bổ sung hạ tầng mạng và trang thiết bị CNTT cho Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã theo nội dung của Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Hoàn thiện mạng Truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã đảm bảo hoạt động thông suốt, ổn định để triển khai hiệu quả các ứng dụng dùng chung của

tỉnh; tiếp tục hoàn thiện kết nối mạng WAN giữa UBND cấp huyện với các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

- Rà soát, đánh giá và thực hiện nâng cấp, bổ sung thiết bị CNTT ở các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai các nội dung về Chính quyền điện tử, ưu tiên đầu tư thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Đầu tư nâng cấp, bổ sung triển khai các giải pháp bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT của Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Rà soát, đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các quy định có liên quan về khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguồn lực triển khai Chính quyền điện tử.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy định quản lý, vận hành, khai thác sử dụng đối với các hệ thống thông tin: Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, CSDL về thủ tục hành chính; quy chế, quy định liên quan đến bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, quy trình giải quyết công việc, xử lý các thủ tục hành chính liên thông điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giới thiệu về Cổng dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo thuận lợi và thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng (trước hết là nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4).

- Đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin phù hợp với các nhiệm vụ trong triển khai xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính.

2. Giải pháp tài chính

- Trong điều kiện ngân sách của tỉnh, cân đối một khoảng kinh phí hợp lý để ưu tiên tập trung triển khai các dự án trọng tâm, nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử.

- Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương theo Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020.

- Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp theo hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp; đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ CNTT trong triển khai các nhiệm vụ phù hợp của kế hoạch.

- Các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

- Triển khai hiệu quả chương trình phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông với Sở Nội vụ về ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh nhằm tham mưu triển khai, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung về ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ISO điện tử; đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả triển khai ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị được giao phụ trách gắn với công tác thi đua, khen thưởng.

- Phát động các cuộc thi ý tưởng, giải pháp, sáng kiến ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

4. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình Công nghệ thông tin tỉnh; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong hoạt động tổ chức triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử.

- Triển khai các dự án CNTT phải đồng bộ và tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt và phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Việc phát triển và ứng dụng CNTT phải thực hiện theo các nội dung kế hoạch để đảm bảo phát triển đồng bộ, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu từ Trung ương đến cấp xã, không chồng chéo, có kế thừa, tránh đầu tư trùng lặp.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT với kế hoạch cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị từ cơ quan nhà nước đến toàn xã hội về lợi ích của ứng dụng CNTT.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ, hạng mục, dự án theo Phụ lục kèm theo kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các nội dung trong kế hoạch bảo đảm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hạng mục, dự án theo kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước với Ban Chỉ đạo Chương trình CNTT tỉnh, UBND tỉnh theo định kỳ.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính gắn kết với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành liên quan xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu bố trí nguồn vốn cho các chương trình, dự án công nghệ thông tin trong năm; theo dõi cấp phát kinh phí kịp thời cho các đơn vị thực hiện dự án theo dự toán đã được UBND tỉnh giao.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí chi ứng dụng CNTT theo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng chính sách thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT theo hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án CNTT phù hợp.

5. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 của đơn vị bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các nội dung Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Định kỳ hàng Quý báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch của đơn vị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TTTT, Cang;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, HẠNG MỤC, DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 4610 /KH-UBND ngày 26 / 10 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyên tiếp hay dự án mới	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2019
I	Xây dựng chính sách						
1	Quy định quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử liên thông; Cổng dịch vụ Công trực tuyến	Sở TT&TT					
2	Quy định quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ					
3	Quy định quản lý, sử dụng Chữ ký số (sửa đổi, bổ sung)	Sở TT&TT					
4	Quy định quản lý, vận hành, khai thác sử dụng CSDL về thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh					

5	Quy định thu hút nguồn lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ					
II	Dự án						
1	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP)	Sở TT&TT	Ứng dụng		15.000	TW: 10.000 ĐP: 5.000	15.000
2	Nâng cấp hoàn thiện Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống phần mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp	Sở TT&TT	Ứng dụng		1.000	Địa phương	1.000
3	Mở rộng cung cấp cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	Sở TT&TT	Ứng dụng		2.300	TW: 1.800 ĐP: 500	2.300
4	Đầu tư hệ thống phần mềm phục vụ bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã	Sở TT&TT	Ứng dụng		1.500	Địa phương	1.500
5	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử thành viên	Văn phòng UBND tỉnh	Ứng dụng		1.500	Địa phương	1.500
6	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Trung tâm CNTT&TT	Hạ tầng		13.000	TW: 10.000 ĐP: 3.000	13.000
7	Xây dựng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quy hoạch và cung cấp thông tin hỗ trợ đầu tư	Sở TT&TT	Ứng dụng		5.000	Địa phương	5.000
8	Xây dựng CSDL tin học hóa thủ tục hành chính tỉnh Bình Thuận kết nối với CSDL quốc gia về TTHC	Sở TT&TT	CSDL		500	Địa phương	500

9	Đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin mạng trong hoạt động các cơ quan nhà nước	Trung tâm CNTT&TT	ATTT		2.900	Địa phương	2.900
10	Xây dựng và triển khai thực hiện giải pháp phòng, chống mã độc	Trung tâm CNTT&TT	ATTT		1.000	Địa phương	1.000
	Tổng cộng				43.700	TW: 21.800 ĐP : 21.900	43.700